

Số 1375/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 29 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai dự án hoàn thành Công trình: Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2002 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Công trình: Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai:

1.1 Công khai dự án hoàn thành:

(Đính kèm QĐ 1375/QĐ-UBND ngày 26/7/2024)

1.2 Thời gian công khai là 30 ngày.

Điều 2. Kế toán BQL dự án đầu tư xây dựng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công khai tại trụ sở BQL;
- Phòng Văn hóa-Thông tin (Đăng tải trên trang điện tử UBND);
- Như điều 2;
- Lưu BQL.



Nguyễn Đăng Thur

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(theo Quyết định số 123/QĐ-BQL ngày 29 tháng 7 năm 2024 của BQL đầu tư xây dựng)

Đơn vị: đồng

		TMDT được duyệt	Giá trị đề nghị QT của chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	5.653.507.038	4.973.900.000	4.974.142.331	-242.331	
I	Vốn thiết kế quy hoạch					
1	Dự án ...					
II	Vốn chuẩn bị đầu tư					
1	Dự án ...					
III	Vốn thực hiện dự án	5.653.507.038	4.973.900.000	4.974.142.331	-242.331	
A	Dự án nhóm B	0	0	0	0	
B	Dự án nhóm C	5.653.507.038	4.973.900.000	4.974.142.331	-242.331	
01	Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	5.653.507.038	4.973.900.000	4.974.142.331	-242.331	

Thuận Bắc, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Đăng Thư

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Công trình: Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014,

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 41/TTr-BQL ghi ngày ngày 17/6/2024 của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm tra số 70/BC-TCKH ngày 23/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành như sau:

- Tên dự án hoàn thành: Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến;

- Chủ đầu tư: BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

- Địa điểm xây dựng: xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc;

- Thời gian khởi công, hoàn thành gói thầu thi công:

Giai đoạn 1: Đường bê tông vào điểm du lịch suối U gờ.

+ Theo hợp đồng và các phụ lục HD: 21/10/2022 - 29/12/2022;

+ Theo thực tế (các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng): 21/10/2022 - 28/12/2022.

Giai đoạn 2: Điểm dừng chân KDL suối Sừng Trâu và suối U gờ.

+ Theo hợp đồng và các phụ lục HD: 07/8/2023 - 18/02/2024;

+ Theo thực tế (các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng): 07/8/2023 - 20/2/2024.

- Thời gian khởi công, hoàn thành gói thầu thiết bị:

- + Theo hợp đồng và các phụ lục HĐ: 24/4/2024 - 22/6/2024;
 + Theo thực tế (các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng): 24/4/2024 - 06/6/2024.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Giá trị QT được duyệt
1	Chi phí xây dựng:	3.887.291.780	3.806.553.266
2	Chi phí thiết bị	590.000.000	523.479.000
3	Chi phí QLDA:	180.446.054	180.446.054
4	Chi phí TV đầu tư:	425.704.955	423.317.526
5	Chi phí khác:	44.998.646	40.346.485
6	Chi phí dự phòng:	525.065.603	
	Tổng cộng	5.653.507.038	4.974.142.331

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
2	3	4	5	6	7
Tổng số	5.653.507.038	4.974.142.331	4.939.236.291	34.906.040	0
Vốn NSNN	5.653.507.038	4.974.142.331	4.939.236.291	34.906.040	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	/	/	4.974.142.331	/
Tài sản dài hạn (TS cố định)			4.974.142.331	
Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn NSNN	4.974.142.331	

1.2. Các khoản công nợ của cả dự án tính đến ngày 17/6/2024 là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng;
- Tổng nợ phải trả: **34.906.040 đồng.**

(Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục kèm theo).

2. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

- Tài sản dài hạn: 4.974.142.331 đồng;
- Tài sản ngắn hạn: Không.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: BQL dự án đầu tư xây dựng huyện tiến hành thanh toán số vốn còn thiếu của các đơn vị có liên quan theo giá trị quyết toán được duyệt; phối hợp với Kho bạc nhà nước Thuận Bắc thực hiện tất toán nguồn và chi phí đầu tư dự án theo đúng quy định; tiến hành bàn giao tài sản cho UBND xã Phước Chiến theo quy định; thực hiện các kiến nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm tra số 70/BC-TCKH ngày 23/7/2024; UBND xã Phước Kháng tiến hành tiếp nhận tài sản, thực hiện quản lý theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Chủ tịch UBND xã Phước Chiến; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Thuận Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT-TH.

CHỦ TỊCH



Phạm Trọng Hùng

BẢNG CÔNG CHI PHÍ QUYẾT TOÁN HẠNG MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH
Công trình Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến



ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng mức đầu tư	Giá trị A-B đề nghị	Giá trị sau thẩm tra	Chênh lệch
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	3.887.291.780	3.806.553.266	3.806.553.266	
1	Giai đoạn 01: Đường bê tông vào điểm du lịch suối U gờ	745.408.437	736.600.236	736.600.236	
2	Giai đoạn 02: Điểm dừng chân KDL suối Sừng Trâu và suối U gờ	3.141.883.343	3.069.953.030	3.069.953.030	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	590.000.000	523.479.000	523.479.000	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	180.446.054	180.446.054	180.446.054	
1	Giai đoạn 01	25.744.544	25.744.544	25.744.544	
2	Giai đoạn 02	154.701.510	154.701.510	154.701.510	
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	425.704.955	423.317.526	423.317.526	
1	Chi phí khảo sát địa chất	79.882.377	79.882.377	79.882.377	
2	Chi phí lập BCKTKT	165.941.302	165.941.302	165.941.302	
	<i>Giai đoạn 01</i>	18.635.211	18.635.211	18.635.211	
	<i>Giai đoạn 02</i>	147.306.091	147.306.091	147.306.091	
3	Chi phí khảo sát địa hình	17.495.334	17.495.334	17.495.334	
	<i>Giai đoạn 01</i>	17.495.334	17.495.334	17.495.334	
4	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	712.410	712.410	712.410	
	<i>Giai đoạn 01</i>	712.410	712.410	712.410	
5	Chi phí giám sát khảo sát địa chất	3.252.810	3.252.810	3.252.810	
	<i>Giai đoạn 02</i>	3.252.810	3.252.810	3.252.810	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	19.346.405	19.139.833	19.139.833	
	<i>Giai đoạn 01</i>	4.320.000	4.113.428	4.113.428	
	<i>Giai đoạn 02</i>	15.026.405	15.026.405	15.026.405	
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	12.778.360	12.546.026	12.546.026	
	<i>Giai đoạn 02</i>	12.778.360	12.546.026	12.546.026	

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN CÔNG NỢ CỦA CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH
Công trình: Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến

ĐVT: Đồng

ST T	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số		4.974.142.331	4.939.236.291	34.906.040	0	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Bắc	Thăm tra BCKTKT	1.005.100	188.100	817.000	0	
2	Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Thuận Bắc	Thăm tra PD quyết toán	28.351.230	0	28.351.230	0	
3	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc	Quản lý dự án	180.446.054	180.446.054	0	0	
	Hạng mục: Đường vào khu sản xuất thôn Cầu Đá cũ, xã Phước Kháng						
4	Cty TNHH Tư vấn TK Trung Nguyên	Khảo sát địa hình	17.495.334	17.495.334	0	0	
		Lập BCKTKT	18.635.211	18.635.211	0	0	
3	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Giám sát KSDH	712.410	712.410	0	0	
5	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Thăm tra TK BVTC-DT	4.113.428	4.113.428	0	0	
6	Cty Bảo Minh Ninh Thuận	Bảo hiểm công trình	2.277.637	2.277.637	0	0	
7	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Giám sát thi công	19.127.180	18.170.821	956.359	0	
8	Cty CP Ninh Thuận NEW	Thi công xây dựng	736.600.236	736.600.236	0	0	
	Hạng mục: Điểm dừng chân KDL suối Sừng Trâu và suối U gờ						
9	Cty TNHH Nam Miền Trung	Khảo sát địa chất	79.882.377	79.882.377			
10	Cty TNHH Tư vấn TK Trung Nguyên	Lập BCKTKT	147.306.091	147.306.091	0	0	
11	Cty TNHH Tư vấn TK Trung Nguyên	Giám sát KHĐC	3.252.810	3.252.810	0	0	
12	Cty TNHH TV XD & TM Chung Thiện Mỹ	Thăm tra TK BVTC-DT	15.026.405	15.026.405	0	0	
13	Cty Bảo Minh Ninh Thuận	Bảo hiểm công trình	8.712.518	8.712.518	0	0	
14	Cty TNHH Tư vấn TK Trung Nguyên	lập HSMT và PTĐGHSDT	12.546.026	12.546.026	0	0	
15	Cty TNHH TV XD & TM Chung Thiện Mỹ	Giám sát thi công	95.402.072	90.620.621	4.781.451	0	
16	Cty CP ĐGC và TVĐT Việt - Nhật	Thẩm định giá thiết bị	9.818.182	9.818.182	0	0	
17	Cty TNHH Châu An	Thi công xây dựng	3.069.953.030	3.069.953.030	0	0	
18	Cty TNHH T.MDV Xây dựng Ngô Gia Vỡ	Mua sắm thiết bị	523.479.000	523.479.000	0	0	

8	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	116.295.957	114.529.252	114.529.252	114.529.252
	<i>Giai đoạn 01</i>	19.127.180	19.127.180	19.127.180	
	<i>Giai đoạn 02</i>	97.168.777	95.402.072	95.402.072	
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị	10.000.000	9.818.182	9.818.182	
	<i>Giai đoạn 02</i>	10.000.000	9.818.182	9.818.182	
V	CHI PHÍ KHÁC	44.998.646	40.104.154	40.346.485	242.331
1	Chi phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	1.005.100	1.005.100	1.005.100	0
	<i>Giai đoạn 01</i>	188.100	188.100	188.100	
	<i>Giai đoạn 02</i>	817.000	817.000	817.000	
2	Lệ phí thẩm định HSMT thi công xây dựng	1.344.524	0	0	0
	<i>Giai đoạn 02</i>	1.344.524	0	0	
3	Lệ phí thẩm định KQ LCNT thi công xây dựng	1.344.524	0	0	0
	<i>Giai đoạn 02</i>	1.344.524	0	0	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	30.153.000	28.108.899	28.351.230	242.331
	<i>Giai đoạn 01</i>	5.643.000	4.701.896		
	<i>Giai đoạn 02</i>	24.510.000	23.407.003		
5	Chi phí bảo hiểm công trình	11.151.498	10.990.155	10.990.155	0
	<i>Giai đoạn 01</i>	2.277.637	2.277.637	2.277.637	
	<i>Giai đoạn 02</i>	8.873.861	8.712.518	8.712.518	
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	525.065.603	0	0	0
	<i>Giai đoạn 01</i>	513.955.185			
	<i>Giai đoạn 02</i>	11.110.418			
VII	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	5.653.507.038	4.973.900.000	4.974.142.331	242.331